



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# 234922

VENL.#

I-171 : X Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN TRI LAN
Last Middle First

Current Address 341 Lo B. Cu Xa Thanh Da T/P Ho Chi Minh

Date of Birth May 11, 1955 Place of Birth Thua Thien

Previous Occupation (before 1975) military officer
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 1975 To 1978
LENGHT (Number of years in Camp) 4

3. SPONSOR'S NAME: LE CHI GALLAGHER

Name

Washington, D.C.

Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

Name, Address & Telephone

Relationship

LE CHI GALLAGHER (see above)

aunt

LE KHANH THI LE Silverspring,

aunt

PHUNG Q. LE (same address) MD 20702

uncle

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared : 9/6/88

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN TRI LAN
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
PHAN THI KIM CHI	1952	wife
NGUYEN THI HOANG ANH	Jan. 11, 1980	daughter
NGUYEN THI HOANG YEN	Jan. 11, 1980	daughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYEN TRI LAN
Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH : May 11 1950
(Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): x Female (Nu): _____

MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): x
(Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 341 Lo B, Cu Xa Thanh Da, T/F Ho Chi Minh
(Dia chi tai Viet-Nam)

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) x No (Khong) _____
If Yes (Neu co): From (Tu): 1975 To (Den): 1978

PLACE OF RE-EDUCATION: _____
CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): Quan nhan (military officer)

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): _____
VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): First lieutenant
VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): _____
Date (nam): _____

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): x No (Khong): _____
IV Number (So ho so): 234922

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 3
(Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti:

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 341 Lo B, Cu Xa Thanh Da
T/P Ho Chi Minh

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Nguoi Bao tro):
LE CHI GALLAGHER
Washington, D.C.

U.S. CITIZEN (Quoc tich Hoa-Ky): Yes (co): x No (Khong): _____

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): nephew

NAME & SIGNATURE: LE CHI GALLAGHER
ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
(Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) _____
(see above) Le Chi Gallagher

DATE: September 5, 1988
Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN TRI LAN
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
PHAN THI KIM CHI	1952	wife
NGUYEN THI HOANG ANH	Jan. 11, 80	daughter
NGUYEN THI HOANG YEN	Jan. 11, 80	daughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

CỘNG HÒA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Đoàn 700

Số 3715-ĐĐ

7 LẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ thị số 316/TTg ngày 22-08-1977 của Thủ Tướng Chính Phủ
Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sĩ, nhân viên
các cơ quan chính quyền của chế độ cũ và đảng phái phản động hiện đang bị tập trung
tại trại.

Căn cứ thông tư liên Bộ Quốc Phòng - Nội vụ số 07/TT/LB ngày 29-12-1977
về việc thực hiện chỉ thị số 316/TTg ngày 22-8-1977 của Thủ Tướng Chính Phủ

Thực hành quyết định số 93/QĐ ngày 28-08-1978
của Bộ Trưởng Bộ Nội Vụ.

CẤP GIẤY RA TRẠI

- Họ và tên : NGUYỄN TÀI LÂN / 1.19-75

Ngày, tháng, năm sinh : 1950 /

Quốc quán : Thừa Thiên

Trú quán : 44/3 Phường 15 Bình Thạnh TP. HCM

Nơi cho về : Ấp Tân Bình, Tân Phú, Cai Lậy Tiền Giang

Số lính cấp bậc chức vụ trong bộ máy chính quyền, quân sự
và các tổ chức chính trị phản động của chế độ cũ

70/152.502 - Thiếu Ủy Trưởng Toán nhiệm ảnh D30 Chiến
Trạch chính trị.

- Phải về, phải trực tiếp trình ngay giấy này với Ủy Ban nhân dân và
Công an xã, Phường Tân Phú thuộc huyện Cai Lậy
tỉnh, Thành phố : TỈNH GIANG

và phải tuân theo các quy định của Ủy Ban nhân dân Tỉnh, Thành phố về việc quản chế,
về nơi cư trú và các mặt quản lý khác :

- Thời hạn quản chế : Mười hai tháng

- Thời hạn đi đường : ngày (kể từ ngày lấy giấy ra trại)

- Tiền và lương thực đi đường đã cấp

Ước nguyện trình diện tại Tân Phú
ĐQ không nhận ảnh cư trú tại Tân Phú
phải về nơi cư trú đây./. Được ở đến ngày
01/6/78

Ngày 20 tháng 04 năm 1978

(Chữ ký tên đóng dấu)

Trưởng tá : NGUYỄN VĂN BÀN

Ngày 20/5/78

TH. ỦY BAN XÃ

ỦY. T. K.

(Chữ ký)

LÊ TRUNG

Chứng thực 0533

Nguyễn Tài Lân có đơn trình

chính quyền địa phương xã Tân Phú xin ở, nhưng xét vì
đương sự không phải binh quân ở địa phương, nên địa phương
không chấp thuận, vậy nay chứng cho đương sự xuất xã
ngày 13-7-78

Tân Phú Ngày 12 tháng 7 năm 1978

TH. ỦY BAN XÃ

Chủ tịch

(Chữ ký)

Nguyễn Văn Diệp.

Số 112/V. B

CHỦNG NHẬN CÔNG TÁC CHÍNH

Xuất trình tại địa phương 28

Ngày 23

UBND PHƯỜNG 15 BÌNH THẠNH



Thân Thanh Hoàng



TRANSLATION

ABSTRACT OF BIRTH RECORD

Name: PHAN THI KIM CHI Sex: Female
Date of birth: 1952
Place of Birth: Dinh Tuong, Viet Nam
Father's name: PHAN VAN DINH
Mother's name: NGUYEN THI THAO
Date recorded: June 8, 1972
Date document issued: May 14, 1974

This office has abstracted the above information from the original or certified copy submitted to us for translation.

Translated by:

what m do

DO. MINH NHAT
Refugee Program Specialist

Certified by:

Kubm

TRAN THI KIM DUNG 9/15/1982
Acting Director
Information & Referral Unit
(Certifying Officer)

OFFICE OF REFUGEE RESETTLEMENT
WASHINGTON, D.C. 20201

World Relief

O.D.P. DEPARTMENT

QUESTIONNAIRE

DO NOT WRITE IN THIS SPACE.	
SUBMITTED	_____
ENTERED	_____
FILED	_____
REGION	_____

SECTION 1

My name is LE CHI GALLAGHER Sex F My Present Address _____
 Other names I have used LE THI LE CHI (maiden) Washington, D.C. 20009
 My Date of Birth May 22, 41 My Phone numbers (202) _____ home
 My Place of Birth Dong Hai, Quang Binh, Vietnam (202) _____ work

SECTION 2

I entered the U.S. on July 2, 75 (date) From Fort Chaffee, Ark. (country or camp)
 My present status in the U.S. is: _____ Refugee A# _____
 _____ Permanent Resident Alien A# _____
 _____ U.S. Citizen # _____
 (naturalization certificate number)

SECTION 3

THE FOLLOWING ARE PERSONS IN VIETNAM KNOWN TO ME AND WHO MAY BE ELIGIBLE TO ENTER THE U.S. AS FORMER U.S. GOVERNMENT EMPLOYEES/CLOSE ASSOCIATE OF THE U.S. OR ASIAN AMERICAN CHILD:

NAME of Principal Applicant	Sex	Date/Place of Birth	Complete Address in Vietnam
<u>NGUYEN TRI LAN</u>	<u>M</u>	<u>May 11, 1950</u>	<u>341 Lo B, Cu Xa Thanh Da</u> <u>Hochiminh City, VN</u>

Number of close relatives accompanying Principal Applicant: three (Full list on back)

Does this family have an IV number? IV234922 Exit Permits? Yes _____ No x

What relation (if any) is the principal applicant to you? nephew

SECTION 4 - DESCRIPTION OF PAST ASSOCIATION

U.S. GOVERNMENT EMPLOYEE: AGENCY _____ LAST TITLE/GRADE _____
 (USAID, CORDS, MACV/DAO)

WORKED FROM _____ TO _____ NAME OF SUPERVISOR _____

EMPLOYEE OF AMERICAN COMPANY OR ORGANIZATION: LAST TITLE/GRADE _____

U.S. COMPANY, CONTRACTOR, AGENCY, ORGANIZATION OR FOUNDATION _____

NAME/POSITION OF SUPERVISOR _____ WORKED FROM _____ TO _____

EMPLOYEE OF VIETNAMESE GOVERNMENT/MILITARY SERVICE (pre-1975): TITLE/RANK Lieutenant
Serial no. 70/152.582
 MINISTRY OR MILITARY UNIT Army FROM _____ TO 4/75

JOB DESCRIPTION _____ LIST ANY AWARDS, COMMENDATIONS, OR

MEDALS RECEIVED FROM U.S. GOVERNMENT _____

NAME/RANK OF ANY AMERICAN SUPERVISOR _____

RE-EDUCATION CAMP: No _____ Yes X How Long? 3 years _____ months

FORMER STUDENT IN U.S. OR ABROAD UNDER U.S. GOVERNMENT SPONSORSHIP:

SCHOOL _____ LOCATION _____
TYPE OF DEGREE OR CERTIFICATE _____
DATES OF TRAINING _____ WHO PAID? _____
ASIAN-AMERICAN CHILDREN: NAME _____ SEX _____
DATE OF BIRTH _____ PLACE _____ MARRIED? _____
FULL NAME OF BIRTH MOTHER _____ ADOPTED MOTHER _____
ADDRESS _____ (if none, write none)

SECTION 5 NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA): NGUYEN TRI LAN
(listed on Page 1)

<u>NAME OF ACCOMPANYING RELATIVES</u>	<u>Sex</u>	<u>Date/Place of Birth</u>	<u>Relationship to P.A.</u>
1. <u>PHAN THI KIM CHI</u>	<u>F</u>	<u>1952</u>	<u>wife</u>
2. <u>NGUYEN THI HOANG OANH</u>	<u>F</u>	<u>Jan 11, 1980</u>	<u>daughter</u>
3. <u>NGUYEN THI HOANG YEN</u>	<u>F</u>	<u>Jan 11, 1980</u>	<u>"</u>
4. _____	_____	_____	_____
5. _____	_____	_____	_____
6. _____	_____	_____	_____
7. _____	_____	_____	_____
8. _____	_____	_____	_____
9. _____	_____	_____	_____
10. _____	_____	_____	_____

ANY ADDITIONAL INFORMATION: _____

SECTION 6

I SWEAR THAT THE ABOVE INFORMATION IS TRUE TO THE BEST OF MY KNOWLEDGE.

Signature Lochi Gallagher Date 10/6/89

Subscribed and Sworn to before me,

Notary Public Signature Ernestine R. Thompson

This 6th Day of October, 1989.

My Commission Expires on March 30, 1992.

ERNESTINE R. THOMPSON

Notary Public, District of Columbia

My Commission Expires February 29, 1992

VIỆN NGHIÊN CỨU

TỈNH GIA-ĐÌNH

HỒ SƠ QUẢN ĐÓNG

ĐỘ HỒN-THI

Phát triển

Năm 1974

Số hiệu 218

Người chồng (Tên họ)	NGUYỄN TRI LÂN
Sinh tại :	Thừa Thiên
Sinh ngày :	11.05.1950
Cha chồng : (Tên họ, sống chết phải nói)	NGUYỄN TRI TÙNG 'S'
Mẹ chồng : (Tên họ, sống chết phải nói)	LÊ THI LỆ CHÂU 'S'
Người vợ : (Tên họ)	PHAN THI KIM CHI
Vợ (chính hay vợ thứ)	Vợ chánh
Sinh tại :	Định Tường
Sinh ngày :	1952
Cha vợ : (Tên họ, sống chết phải nói)	PHAN VĂN ĐÌNH 'S'
Mẹ vợ :	NGUYỄN THI THẮC 'S'
Ngày chết :	22.8.1974 (15g20)

Chứng minh

Hộ tịch Xã

ngày tháng năm
LL CHANH TRAM

Thanh lý Tây

Tích y bản chính :

ngày 23 tháng 8 năm 1974

ỦY VIÊN HỘ TỊCH

XÃ-TRƯỞNG

ỦY VIÊN HỘ TỊCH





Office of Refugee Resettlement
Washington, D.C. 20201

ABSTRACT OF MARRIAGE RECORD

Groom: NGUYEN TRI LAN
Age or date of birth: May 11, 1950
Bride: PHAN THI KIM CHI
Age or date of birth: 1952
Date of marriage: August 22, 1974
Place of marriage: Gia Dinh, Viet Nam
Date recorded: August 23, 1974
Date document issued: August 23, 1974

This office has abstracted the above information from the original or certified copy submitted to us for translation.

Translated by:

what u do

DO MINH NHAT
Refugee Program Specialist

Certified by:

Kim M

TRAN THI KIM DUNG 9/15/1982
Acting Director
Information & Referral Unit
(Certifying Officer)

OFFICE OF REFUGEE RESETTLEMENT
WASHINGTON, D.C. 20201

Quốc-gia Việt-Nam

SỞ TƯ-PHÁP TRUNG-VIỆT

TÒA SƠ-THẨM HUẾ

BIÊN BẢN CHỨNG NHẬN KHAI-SINH CỦA NGUYỄN - TRI - LÂN

Thọ lý số 236 ngày 17 tháng 10 năm 1953.

Hôm nay là ngày 21 tháng 10 năm một ngàn chín trăm năm mươi ba.

Trước mặt Bản Tòa là TA-THỨC-KHAI, Chánh án Tòa Sơ-Thẩm Huế, tại Văn-phòng có Ông TRAN-KIEM-MAI, Chánh Lục-Sự dự việc:

CÓ ĐẾN HẦU TÒA

1/ O. NGUYỄN-TRI-CO, 58 tuổi, công chức, trú tại phường Thái-Trạch, Thành-nội, Huế, có căn cước số 38.570 ngày 26-9-1951.

2/ B. NGUYỄN-THỊ-TUÝ, 42 tuổi, buôn bán, trú phường Phú-hội, Huế có căn cước số 44850 ngày 20-8-1951.

3/ O. NGUYỄN-DIEM, 63 tuổi, thầy thuốc, trú tại làng Phú-xuân, Thừa-Thiên, có căn cước số 91507 ngày 4-9-1953.

Những nhân chứng trên sau khi thề nói sự thật có khai và biết rõ NGUYỄN-TRI-LÂN, con trai, sinh ngày 11-5-1950 tại làng Chí-Long, Phường-phong-diễn, Tỉnh Thừa-thiên, con O. NGUYỄN-TRI-TÙNG và B. LÊ-THỊ LỆ-CHÂU.

Hai Ông là này chính thức lay nhau.

Những nhân chứng trên đây lại quả quyết rằng O. NGUYỄN-TRI-TÙNG không thể xuất trình giấy khai sinh chính thức của NGUYỄN-TRI-LÂN được vì lẽ năm 1950 làng Chí-Long chưa lập sổ sách nhân-the-bộ.

Chiều giấy chứng nhận ngày 31-8-1953 của O. Ủy-viên Hành Chánh An-Lỗ chứng nhận làng Chí-Long chưa có sổ sách nhân-the-bộ từ năm 1947 cho đến nay.

Những nhân chứng trên xin cam đoan chịu trách nhiệm những lời khai của họ và Bản Tòa đã đọc cho các nhân chứng cùng đương sự nghe điều 334-337 H.V.H.L. phạt tội ngụy chứng về việc Hộ tử 3 tháng đến 1 năm tù và phạt bạc từ 30 đến 120.000.

...2/ Lân 50

Bởi vậy Bản Tòa chiếu theo lời khai của các nhân chứng và chiếu điều 47-48 H.V.T.T.L. lập biên-bản theo vì khai-sinh của NGUYỄN-TRI-LÂN, con trai sinh ngày mười một tháng năm năm một ngàn chín trăm năm mươi (11.5.1950) tại làng Chi-Long, huyện Phong-Điện, tỉnh Thừa-Thiên, con O. NGUYỄN-TRI-TÙNG và B. LÊ-THỊ LÊ-CHÂU để cấp cho O. NGUYỄN-TRI-TÙNG theo như đơn xin.

Biên bản này lập xong đã đọc lại cho các nhân chứng cùng đương sự nghe, đã cùng tới và Ông Chánh Lục-sự ký tên ra sau.

Chánh Lục-sự

Chánh-An,

Ký tên: TRẦN-KIỆM-TÀI

Ký tên: TẠ-THỨC-KHẢI

Những người chứng, Người khai,

Ký tên: NGUYỄN-TRI-CO

NGUYỄN-TRI-TÙNG

Ký tên: NGUYỄN-THỊ-TUY

LÊ-THỊ LÊ-CHÂU

NGUYỄN-DIEM

Thuê nhứt định 50 500 trước-ba tại Huế

2/10 phụ thu quanphĩ 10 500

ngày 26 tháng 10 năm 1953

quyển III tờ 7 số 1382

60 500

Thầu: Sáu mươi đồng

Chủ-Sự,

Ký tên: PHẠM-VĂN-BỘT

SÁO-Y CHÁNH-BẢN

CHÁNH LỤC-SỰ



Trụ sở ban Sáo 15



TRANSLATION

ABSTRACT OF BIRTH RECORD

Name: NGUYEN TRI LAN Sex: Male
Date of birth: May 11, 1950
Place of Birth: Thua Thien, Viet Nam
Father's name: NGUYEN TRI TUNG
Mother's name: LE THI LE CHAU
Date recorded: October 21, 1953
Date document issued: October 9, 1970

This office has abstracted the above information from the original or certified copy submitted to us for translation.

Translated by:

what m do

DO. MINH NHAT
Refugee Program Specialist

Certified by:

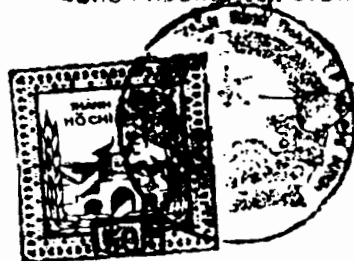
Tran Thi Kim Dung

TRAN THI KIM DUNG 9/15/1982
Acting Director
Information & Referral Unit
(Certifying Officer)

OFFICE OF REFUGEE RESETTLEMENT
WASHINGTON, D.C. 20201


 CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
 Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN
 Số: ~~02-25-7888~~
 Họ tên: **NGUYỄN TRI LÂN**
 Sinh ngày: **11-05-1950**
 Nguyên quán: **Bình Trị Thới**
 Nơi thường trú: **3/1 Lỗ B c/x**
Thanh Đa, P.27, BT, TP. Hồ Chí Minh

Số 5077 / VPUB
CHỨNG NHÂN GIỚI V BÀN CHÁNH
 Xuất trình tại UBND Phường 27
 Ngày: 21 tháng 7 năm 1989
 UBND PHƯỜNG 27 Q. BÌNH THẠNH



Thanh
Dinh Thị Thanh

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không		
	NGÓN TRỎ TRÁI	ĐẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH
		Nốt ruồi 4,3cm trên sâu nếp nhăn
	NGÓN TRỎ PHẢI	Nét 31 tháng 8 năm 1988
		Ty Đoàn BCC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN  <i>Trần Văn Thọ</i>

Số 816 / VPUB
CHỦ NHẬN CÔNG Y. B. AN CHANH
Xác định tại UBND Phường 22
Ngày 24 tháng 9 năm 1984
UBND PHƯỜNG 22 Q. BÌNH TRẠNG



CHUNG HUA XA HAI CHI NGHIA VIET NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

SỐ QUÂN QUẢN LÝ: 816

Họ và tên: VĂN HỮU KIM CHI

Quê quán: Thị trấn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Ngày cấp: 24/9/84

Nơi cấp: UBND Phường 22, Quận Bình Trưng

Thị trấn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh





Đã đăng ký
Trị xã, Quận
Thành phố, Tỉnh

BẢN SAO
GIẤY KHAI SINH

Số 11
Quyển số 01

Họ và tên	Nguyễn Thị Hoàng Yến		Nam, nữ <u>nữ</u>
Sinh ngày tháng, năm	11/01/1980		
Nơi sinh	Bệnh viện phụ sản TP Hồ Chí Minh		
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ	
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh	Nguyễn Thị Liên 05/05/1950	Phạm Thị Kim Chi 1952	
Dân tộc	Hà	Hà	
Quốc tịch	Niêm - Nam	Niêm - Nam	
Nghề nghiệp	Trên biển	Công nhân	
Nơi ĐKNK thường trú	Cái Lân	Thị trấn	
Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng	Thị trấn 212/111		

NHẬN THỰC SAO Y BẢN CHÍNH

Đăng ký ngày 20 tháng 03 năm 1980
(Ký tên, đóng dấu ghi rõ chức vụ)

Ngày 20 tháng 03 năm 1980

TM/UBND 03 ký tên đóng dấu



Bà Thị Nguyệt

ĐÃ DÙNG LÊ PH



TRANSLATION

ABSTRACT OF BIRTH RECORD

Name: NGUYEN THI HOANG YEN Sex: Female
Date of birth: January 1, 1980
Place of Birth: Ho Chi Minh, Viet Nam
Father's name: NGUYEN TRI LAN
Mother's name: PHAN THI KIM CHI
Date recorded: March 29, 1982
Date document issued: March 29, 1982

This office has abstracted the above information from the original or certified copy submitted to us for translation.

Translated by:

nhhat m do

DO. MINH NHAT
Refugee Program Specialist

Certified by:

Tran Thi Kim Dung

TRAN THI KIM DUNG 9/15/1982
Acting Director
Information & Referral Unit
(Certifying Officer)

OFFICE OF REFUGEE RESETTLEMENT
WASHINGTON, D.C. 20201

Xã, Thị trấn

Thị xã, Quận

Thành phố, Tỉnh

Họ, Tên - Ngày, Tháng, Năm

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Số 12

Quyển số 01

Họ và tên	Nguyễn Thị Ngọc Anh		Nam, nữ	nữ
Sinh ngày tháng, năm	11/01/1950			
Nơi sinh	Bách Việt, phường 15, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh			
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ		
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh	Nguyễn Văn Lâm 05/1950	Phạm Thị Kim Chi 1952		
Dân tộc	Hinh	Hinh		
Quốc tịch	Nhật - Hoa	Nhật - Hoa		
Nghề nghiệp	Đang học tại Trường	Đang học tại Trường		
Nơi ĐKKK thường trú	Phường 15, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh	Phường 15, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh		
Họ, tên, tuổi nơi ĐKKK thường trú, số giấy chứng	Nguyễn Văn Lâm, 05/1950, 212/111			

NHẬN THỨC CÁC CƠ QUAN CHÍNH

tháng 3 năm 1983

Ngày tháng năm

TM/UBND ký tên đóng dấu



ĐÃ ĐÓNG LÊ PHI

Bản thi Hạng



Office of Refugee Resettlement
Washington, D.C. 20201

TRANSLATION

ABSTRACT OF BIRTH RECORD

Name: NGUYEN THI HOANG ANH Sex: Female
Date of birth: January 11, 1980
Place of Birth: Ho Chi Minh, Viet Nam
Father's name: NGUYEN TRI LAN
Mother's name: PHAN THI KIM CHI
Date recorded: March 29, 1982
Date document issued: March 29, 1982

This office has abstracted the above information from the original or certified copy submitted to us for translation.

Translated by:

what m do

DO. MINH NHAT
Refugee Program Specialist

Certified by:

Kim Dung
TRAN THI KIM DUNG 9/15/1982
Acting Director
Information & Referral Unit
(Certifying Officer)

OFFICE OF REFUGEE RESETTLEMENT
WASHINGTON, D.C. 20201



Embassy of the United States of America

Bangkok, Thailand

Reference File No. IV 45423

Dear Sir/Madam:

☐ We have received the documents you/your relative recently sent us.

☐ We have not received any of the documents we requested in our earlier letter.

☐ We have received your letter of _____ and have reviewed your relative's files.

☒ We have recently reviewed the above mentioned files.

Nguyen Tri Lan and Nguyen Thi Kim Quy
~~is~~/are not included in the Letter of Introduction (LOI) because:

- (a) ~~He/she/they~~ ^{they} ~~is~~/are married and at present ineligible for the ODP. We have opened ~~a~~ separate file(s) (IV 234922-3) for ~~him/her~~ them. Once the parents arrive in the U.S. and are eligible to do so, they may file ~~a~~ petition(s) (INS Form I-130) for such dependent(s) listing the case number IV 234922 and 234923
- (b) He/she/they is/are over 18/21 years old and have to wait until their petition(s) (INS Form I-130) become current.

Please inform us of any changes of address on the part of you or your relatives. When writing us always refer to the IV number(s) above.

Sincerely,

PJ.

Orderly Departure Program
American Embassy - Box 58
APO San Francisco 96346



HỘI GIA ĐÌNH TÙ NHÂN CHÍNH TRỊ VIỆT NAM
FAMILIES OF VIETNAMESE POLITICAL PRISONERS ASSOCIATION

P.O. BOX 5435, ARLINGTON, VA 22205-0635
TELEPHONE:

POLITICAL PRISONER REGISTRATION FORM
(Two Copies)

IV.# 234922

VENL.#

I-171 : X Y N

The purpose of this form is to identify persons who are or were formerly interned in re-education camps in Vietnam, so that eligibility for U.S. admission via the Orderly Departure Program can be established.

1. APPLICANT IN VIETNAM NGUYEN TRI LAN
Last Middle First

Current Address 341 Lo B. Cu Xa Thanh Da T/P Ho Chi Minh

Date of Birth May 11, 1955 Place of Birth Thua Thien

Previous Occupation (before 1975) military officer
(Rank & Position)

2. TIME SPENT IN RE-EDUCATION CAMP Dates : From 1975 To 1978
LENGTH (Number of years in Camp) 4

3. SPONSOR'S NAME: LE CHI GALLAGHER
Name
Washington, D.C.
Address & Telephone

4. NAMES OF RELATIVES/ACQUAINTANCES IN THE U.S.

<u>Name, Address & Telephone</u>	<u>Relationship</u>
<u>LE CHI GALLAGHER (see above)</u>	<u>aunt</u>
<u>LE KHANH THI LE</u> <u>Silverspring,</u>	<u>aunt</u>
<u>PHUNG Q. LE (same address)</u> <u>MD</u>	<u>uncle</u>

If you are eligible to file for the applicant under Category I of the ODP criteria and have not filed an Affidavit of Relationship (AOR), you are encouraged to do so. Also, persons in the U.S. who are eligible to petition for relatives in Vietnam on INS Form I-130 must do so.

Date Prepared : 9/6/88

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN TRI LAN

(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
PHAN THI KIM CHI	1952	wife
NGUYEN THI HOANG ANH	Jan. 11, 1980	daughter
NGUYEN THI HOANG YEN	Jan. 11, 1980	daughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :

INTAKE FORM (Two Copies)
 MAU DON VE LY-LICH

NAME (Ten Tu-nhan) : NGUYEN TRI LAN
 Last (Ten Ho) Middle (Giua) First (Ten goi)

DATE, PLACE OF BIRTH : May 11 1950 Thừa Thiên
 (Nam, noi sinh) Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

SEX (Nam hay Nu) : Male (Nam): x Female (Nu): _____

MARITAL STATUS Single (Doc than): _____ Married (Co lap gia dinh): x
 (Tinh trang gia dinh):

ADDRESS IN VIETNAM : 341 Lo B, Cu Xa Thanh Da, T/F Ho Chi Minh
 (Dia chi tai Viet-Nam)

POLITICAL PRISONER (Co la tu nhan tai VN hay khong): Yes (Co) x No (Khong) _____
 If Yes (Neu co): From (Tu): 1975 To (Den): 1978

PLACE OF RE-EDUCATION: _____
 CAMP (Trai tu)

PROFESSION (Nghe nghiep): Quan nhan (military officer)

EDUCATION IN U.S. (Du hoc tai My): _____
 VN ARMY (Quan doi VN) Rank (Cap bac): First lieutenant
 VN GOVERNMENT (Trong chinh phu VN) Position (Chuc vu): _____
 Date (nam): _____

APPLICATION FOR O.D.P. (Da co nap don cho ODP): Yes (Co): x
 IV Number (So ho so): 234922
 No (Khong): _____

NUMBER OF DEPENDENTS ACCOMPANYING (So nguoi di theo): 3
 (Ten than nhan thap tung) Xin ghi ben sau voi day du chi ti:

MAILING ADDRESS IN VN (Dia chi lien lac tai VN): 341 Lo B, Cu Xa Thanh Da
T/P Ho Chi Minh

NAME & ADDRESS OF SPONSOR/RELATIVE (Ten va Dia chi Than nhan hay Ngươi Bao tro):
LE CHI GALLAGHER
Washington, D.C.

U.S. CITIZEN (Quoc tich Hoa-Ky): Yes (co): x No (Khong): _____

RELATIONSHIP WITH PRISONER (Lien he voi tu nhan tai VN): nephew

NAME & SIGNATURE: LE CHI GALLAGHER
 ADDRESS & TELEPHONE OF INFORMANT
 (Ten, Chu ky, Dia chi va Dien thoai cua nguoi dien don nay) _____
 (see above) LE CHI Gallagher

DATE: September 5, 1988
 Month (Thang) Day (Ngay) Year (Nam)

5. NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA) : NGUYEN TRI LAN
(Listed on page 1)

NAME OF DEPENDENT/ACCOMPANYING RELATIVES	DATE OF BIRTH	RELATIONSHIP TO PA.
PHAN THI KIM CHI	1952	wife
NGUYEN THI HOANG ANH	Jan. 11, 80	daughter
NGUYEN THI HOANG YEN	Jan. 11, 80	daughter

DEPENDENT'S ADDRESS :(if different from above)

6. ADDITIONAL INFORMATION :



TRANSLATION

ABSTRACT OF BIRTH RECORD

Name: PHAN THI KIM CHI Sex: Female
Date of birth: 1952
Place of Birth: Dinh Tuong, Viet Nam
Father's name: PHAN VAN DINH
Mother's name: NGUYEN THI THAO
Date recorded: June 8, 1972
Date document issued: May 14, 1974

This office has abstracted the above information from the original or certified copy submitted to us for translation.

Translated by:

what m do

DO. MINH NHAT
Refugee Program Specialist

Certified by:

Kubm

TRAN THI KIM DUNG 9/15/1982
Acting Director
Information & Referral Unit
(Certifying Officer)

OFFICE OF REFUGEE RESETTLEMENT
WASHINGTON, D.C. 20201

Đoạn 750

Số 3785-08

CẤP GIẤY RA TRẠI

Căn cứ chỉ thị số 316/TTg ngày 22-06-1977 của Thủ Tướng Chính Phủ nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam về chính sách đối với binh sĩ, nhân viên các cơ quan chính quyền của chế độ cũ và đảng phái phản động hiện đang bị tập trung cải tạo.

Căn cứ thông tư liên Bộ Quốc Phòng - Nội vụ số 07TT/LB ngày 29-12-1977 về việc thực hiện chỉ thị số 316/TTg ngày 22-6-1977 của Thủ Tướng Chính Phủ
Thi hành quyết định số 98/QĐ ngày 25-08-1978 của Bộ Trưởng Bộ Nội Vụ.

CẤP GIẤY RA TRẠI

- Họ và tên : NGUYỄN TRI LÂN / L.19-75

Ngày, tháng, năm sinh : 1950 /

Quê quán : Thuận Thiên

Trú quán : 44/3 Phường 15 Bình Thạnh TP.HCM

Hồi cho về : Ấp Tân Bình, Tân Phú, Cai Lậy Tiền Giang

Số lĩnh cấp bậc chức vụ trong bộ máy chính quyền, sửa sự và các tổ chức chính trị phản động của chế độ cũ

70/152.582 - Thiếu Ủy Trưởng Tòa nhiếp ảnh ĐSQ Chiến Tranh chính trị.

- Khi về, phải tiếp trình ngay giấy này với Ủy Ban nhân dân và Công an xã, Phường Tân Phú thuộc huyện Quận Cai Lậy tỉnh Tiền Giang

và phải tuân theo các quy định của Ủy Ban nhân dân Tỉnh, Thành phố về việc quản chế, về nơi cư trú và các mặt quản lý khác :

- Thời hạn quản chế : Mười hai tháng

- Thời hạn đi đường : ngày (kể từ ngày lấy giấy ra trại)

- Tiền và lương thực đi đường đã cấp

Trong sự có trình diện tại Tân Phú
ĐQ Phòng nhận ảnh cụ trú tại Tân Phú
phải về nơi này trước đây./. Duyệt ở đến ngày
01/6/78

Ngày 30 tháng 04 năm 1978

(Chữ ký tên đóng dấu)

Trung tá : NGUYỄN VĂN BẮN

Ngày 20/5/78

Đ.UBND Xã

UV.78

(Chữ ký)

LÊ THẠO

Chứng thực 0333

Nguyễn Tri Lân có đơn trình

chính quyền địa phương xã Tân Phú xin ở, nhưng xét vì
điều kiện không phải sinh quán ở địa phương, nên địa phương
không chấp thuận, vậy nay chứng cho đương sự xuất lộ
ngày 13-7-78

Tân Phú Ngày 12 tháng 7 năm 1978

Đ.UBND. Xã

Chủ tịch

(Chữ ký)

Nguyễn Văn Diệp.

Số 180/V.8

CHỦNG MƯƠI TỶ VẠN CHÁNH

Xuất 28

Ngày 23

UBND Phường 15 BÌNH THẠNH

Ngày 23

UBND Phường 15 BÌNH THẠNH

Ngày 23

UBND Phường 15 BÌNH THẠNH

Ngày 23

UBND Phường 15 BÌNH THẠNH

Ngày 23

UBND Phường 15 BÌNH THẠNH

Ngày 23

UBND Phường 15 BÌNH THẠNH

Ngày 23

UBND Phường 15 BÌNH THẠNH

Ngày 23

UBND Phường 15 BÌNH THẠNH

Thân Thanh Hoàng

World Relief

O.D.P. DEPARTMENT

QUESTIONNAIRE

DO NOT WRITE IN THIS SPACE.

SUBMITTED _____
 ENTERED _____
 FILED _____
 REGION _____

SECTION 1

My name is LE CHI GALLAGHER Sex F My Present Address _____
 Other names I have used LE THI LE CHI (maiden) _____ Washington, D.C. _____
 My Date of Birth May 22, 41 My Phone numbers (202) _____ home _____
 My Place of Birth Dong Hai, Quang Binh, Vietnam (202) _____ work _____

SECTION 2

I entered the U.S. on July 2, 75 (date) From Fort Chaffee, Ark. (country or camp) _____
 My present status in the U.S. is: _____ Refugee A# _____
 _____ Permanent Resident Alien A# _____
 _____ U.S. Citizen # _____
 (naturalization certificate number)

SECTION 3

THE FOLLOWING ARE PERSONS IN VIETNAM KNOWN TO ME AND WHO MAY BE ELIGIBLE TO ENTER THE U.S. AS FORMER U.S. GOVERNMENT EMPLOYEES/CLOSE ASSOCIATE OF THE U.S. OR ASIAN AMERICAN CHILD:

NAME of Principal Applicant	Sex	Date/Place of Birth	Complete Address in Vietnam
<u>NGUYEN TRI LAN</u>	<u>M</u>	<u>May 11, 1950</u>	<u>341 Lo B, Cu Xa Thanh Da</u> <u>Hochiminh City, VN</u>

Number of close relatives accompanying Principal Applicant: three (Full list on back)
 Does this family have an IV number? IV234922 Exit Permits? Yes _____ No x
 What relation (if any) is the principal applicant to you? nephew

SECTION 4 - DESCRIPTION OF PAST ASSOCIATION

U.S. GOVERNMENT EMPLOYEE: AGENCY _____ LAST TITLE/GRADE _____
 (USAID, CORDS, MACV/DAO)
 WORKED FROM _____ TO _____ NAME OF SUPERVISOR _____
 EMPLOYEE OF AMERICAN COMPANY OR ORGANIZATION: LAST TITLE/GRADE _____
 U.S. COMPANY, CONTRACTOR, AGENCY, ORGANIZATION OR FOUNDATION _____

NAME/POSITION OF SUPERVISOR _____ WORKED FROM _____ TO _____
 EMPLOYEE OF VIETNAMESE GOVERNMENT/MILITARY SERVICE (pre-1975): TITLE/RANK Lieutenant
 MINISTRY OR MILITARY UNIT Army FROM _____ TO 4/75 Serial no. 70/152.582
 JOB DESCRIPTION _____ LIST ANY AWARDS, COMMENDATIONS, OR
 MEDALS RECEIVED FROM U.S. GOVERNMENT _____

NAME/RANK OF ANY AMERICAN SUPERVISOR _____
 RE-EDUCATION CAMP: No _____ Yes X How Long? 3 years _____ months

FORMER STUDENT IN U.S. OR ABROAD UNDER U.S. GOVERNMENT SPONSORSHIP:

SCHOOL _____ LOCATION _____

TYPE OF DEGREE OR CERTIFICATE _____

DATES OF TRAINING _____ WHO PAID? _____

ASIAN-AMERICAN CHILDREN: NAME _____ SEX _____

DATE OF BIRTH _____ PLACE _____ MARRIED? _____

FULL NAME OF BIRTH MOTHER _____ ADOPTED MOTHER _____

ADDRESS _____ (if none, write none)

SECTION 5 NAME OF PRINCIPAL APPLICANT (PA): NGUYEN TRI LAN
(listed on Page 1)

<u>NAME OF ACCOMPANYING RELATIVES</u>	<u>Sex</u>	<u>Date/Place of Birth</u>	<u>Relationship to P.A.</u>
1. <u>PHAN THI KIM CHI</u>	<u>F</u>	<u>1952</u>	<u>wife</u>
2. <u>NGUYEN THI HOANG OANH</u>	<u>F</u>	<u>Jan 11, 1980</u>	<u>daughter</u>
3. <u>NGUYEN THI HOANG YEN</u>	<u>F</u>	<u>Jan 11, 1980</u>	<u>"</u>
4. _____	_____	_____	_____
5. _____	_____	_____	_____
6. _____	_____	_____	_____
7. _____	_____	_____	_____
8. _____	_____	_____	_____
9. _____	_____	_____	_____
10. _____	_____	_____	_____

ANY ADDITIONAL INFORMATION: _____

SECTION 6

I SWEAR THAT THE ABOVE INFORMATION IS TRUE TO THE BEST OF MY KNOWLEDGE.

Signature Lochi Gallagher Date 10/6/89

Subscribed and Sworn to before me,

Notary Public Signature Ernestine R. Thompson

This 6th Day of October, 1989.

My Commission Expires on March 30, 1992.

ERNESTINE R. THOMPSON
Notary Public, District of Columbia
My Commission Expires February 29, 1992

VIỆN
TÌNH. GIA-ĐÌNH

HỒ SƠ QUẢN ĐÓNG

Phát triển Thành phố

Độc Hôn-THI

Năm 1974

Số hiệu 218

Người chồng : (Tên họ)	NGUYỄN TRI LÂN
Sinh tại :	Thừa Thiên
Sinh ngày :	II.05.1950
Cha chồng : (Tên họ, sống chết phải nói)	NGUYỄN TRI TÙNG 's'
Mẹ chồng : (Tên họ, sống chết phải nói)	LÊ THI LÊ CHÂU 's'
Người vợ : (Tên họ)	PHAN THI KIM CHI
Vợ (chính hay vợ thứ)	Vợ chánh
Sinh tại :	Định Tường
Sinh ngày :	1952
Cha vợ : (Tên họ, sống chết phải nói)	PHAN VĂN ĐÌNH 's'
Mẹ vợ :	NGUYỄN THI TIẾC 's'
Ngày cưới :	22.8.1974 (15g20)

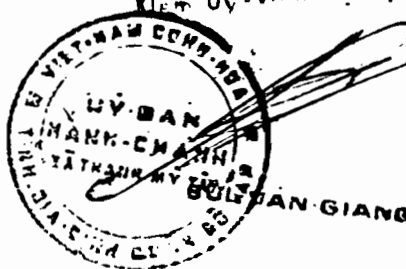
Công chứng tại xã
Nộp tịch xã
ngày tháng
L. L. QUẢN TRỊ

Trích y bốn chính :
Thanh Mỹ Tây, ngày 23 tháng 8 năm 1974

ỦY VIÊN HỘ TỊCH

XÃ-TRƯỞNG

Viện Ủy-Viên Hộ-Tịch





Office of Refugee Resettlement
Washington, D.C. 20201

ABSTRACT OF MARRIAGE RECORD

Groom: NGUYEN TRI LAN
Age or date of birth: May 11, 1950
Bride: PHAN THI KIM CHI
Age or date of birth: 1952
Date of marriage: August 22, 1974
Place of marriage: Gia Dinh, Viet Nam
Date recorded: August 23, 1974
Date document issued: August 23, 1974

This office has abstracted the above information from the original or certified copy submitted to us for translation.

Translated by:

what n do

DO MINH NHAT
Refugee Program Specialist

Certified by:

Kim M

TRAN THI KIM DUNG 9/15/1982
Acting Director
Information & Referral Unit
(Certifying Officer)

OFFICE OF REFUGEE RESETTLEMENT
WASHINGTON, D.C. 20201

Quốc-gia Việt-Nam

SỞ TƯ-PHÁP TRUNG-VIỆT

TÒA SƠ-THẨM HUE

BIÊN BẢN CHỨNG NHẬN KHAI-SINH CỦA NGUYỄN - TRI - LÂN

Thọ lý số 236 ngày 17 tháng 10 năm 1953.

Hôm nay là ngày 21 tháng 10 năm một ngàn chín trăm năm mươi ba.

Trước mặt Bản Tòa là TA-THỨC-KHẢI, Chánh án Tòa Sơ-Thẩm Hue, tại Văn-phòng có Ông TRAN-KIEM-MAI, Chánh Lục-Sự dự việc:

CÓ ĐEN HẦU TÒA

1/ O. NGUYỄN-TRI-CO, 58 tuổi, công chức, trú tại Phường Thái-Trạch, Thành-nội, Hue, có căn cước số 38.570 ngày 26-9-1951.

2/ B. NGUYỄN-THỊ-TUY, 42 tuổi, buôn bán, trú Phường Phú-hội, Hue có căn cước số 44850 ngày 20-8-1951.

3/ O. NGUYỄN-DIEM, 63 tuổi, thầy thuốc, trú tại làng Phú-xuân, Thừa-Thiên, có văn cước số 91507 ngày 4-9-1953.

Những nhân chứng trên sau khi thề nói sự thật có khai và biết rõ NGUYỄN-TRI-LÂN, con trai, sinh ngày 11-5-1950 tại làng Chí-Long, Phường Phong-diễn, Tỉnh Thừa-thiên, con O. NGUYỄN-TRI-TÙNG và B. LÊ-THỊ LỆ-CHÂU.

Hai Ông Lê này chính thức lay nhau.

Những nhân chứng trên đây lại quả quyết rằng O. NGUYỄN-TRI-TÙNG không thể xuất trình giấy khai sinh chính thức của NGUYỄN-TRI-LÂN được vì lẽ năm 1950 làng Chí-Long chưa lập sổ sách nhân-thê-bộ.

Chiều giấy chứng nhận ngày 31-8-1953 của O. Ủy-viên Hành Chánh An-Lỗ chứng nhận làng Chí-Long chưa có sổ sách nhân-thê-bộ từ năm 1947 cho đến nay.

Những nhân chứng trên xin cam đoan chịu trách nhiệm những lời khai của họ và Bản Tòa đã đọc cho các nhân chứng cùng đương sự nghe điều 334-337 H.V.H.L. phạt tội ngụy chứng về việc Hộ từ 3 tháng đến 1 năm tù và phạt bạc từ 30 đến 120.000.

Bởi vậy Bản Tòa chiếu theo lời khai của các nhân chứng và chiếu điều 47-48 H.V.T.T.L. lập biên-bản theo vì khai-sinh của NGUYỄN-TRI-LÂN, con trai sinh ngày mười một tháng năm năm một ngàn chín trăm năm mươi (11.5.1950) tại làng Chi-Long, huyện Phong-Điện, tỉnh Thừa-Thiên, con O. NGUYỄN-TRI-TÙNG và B. LÊ-THỊ LỆ-CHÂU để cấp cho O. NGUYỄN-TRI-TÙNG theo như đơn xin.

Biên bản này lập xong đã đọc lại cho các nhân chứng cùng đương sự nghe, đã cùng tới và Ông Chánh Lục-sự ký tên ra sau.

Chánh Lục-sự

Chánh-An,

Ký tên: TRẦN-KIỆM-MAI

Ký tên: TẠ-THỨC-KHẢI

Những người chứng, Người khai,

Ký tên: NGUYỄN-TRI-CO

NGUYỄN-TRI-TÙNG

NGUYỄN-THỊ-TUY

LÊ-THỊ LỆ-CHÂU

NGUYỄN-DIỆM

Thuê nhứt định 50 500 trước-ba tại Huế

2/10 phụ thu quanphĩ 10 500

ngày 26 tháng 10 năm 1955

quyển III tờ 7 số 1382

60 500

Thầu: Sáu mươi đồng

Chủ-sự,

Ký tên: PHẠM-VĂN-BỘT

SAO-Y CHÁNH-BẢN

CHÁNH LỤC-SỰ



Đã phủ bản Sao 15



Office of Refugee Resettlement
Washington, D.C. 20201

TRANSLATION

ABSTRACT OF BIRTH RECORD

Name: NGUYEN TRI LAN Sex: Male
Date of birth: May 11, 1950
Place of Birth: Thua Thien, Viet Nam
Father's name: NGUYEN TRI TUNG
Mother's name: LE THI LE CHAU
Date recorded: October 21, 1953
Date document issued: October 9, 1970

This office has abstracted the above information from the original or certified copy submitted to us for translation.

Translated by:

what m do

DO. MINH NHAT
Refugee Program Specialist

Certified by:

Tran Thi Kim Dung

TRAN THI KIM DUNG 9/15/1982
Acting Director
Information & Referral Unit
(Certifying Officer)

OFFICE OF REFUGEE RESETTLEMENT
WASHINGTON, D.C. 20201

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **022578000**

Họ tên: **NGUYỄN TRI LÂN**

Sinh ngày: **11-03-1950**

Nguyên quán: **Bình Trị Thiên**

Nơi thường trú: **3/1 Lô B c/x
Thanh Đa, P.27, BT, TP. Hồ Chí Minh**





Số **5074** / VPUB

CHỨNG NHÂN CÔNG Y BẢN CHÁNH

Xuất trình tại: UBND Phường **27**

Ngày: **24** tháng **7** năm **1981**

UBND Phường **27** Q. BÌNH THẠNH




Trần Văn Thanh

Bình Trị Thiên

Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Không	
	NGÓN TRỎ TRÁI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH	
		Một rãnh 4,3cm trên sáu nếp nhăn	
	NGÓN TRỎ PHẢI	Ngày 31 tháng 8 năm 1988 TỔNG ĐỘI QUẢN LÝ TRƯNG TAY CÔNG AN  <i>Trần Văn Thọ</i>	

Số 816 / VPUB
CHỦ TỊCH AN CỘNG Y. BAN CHANH
Khuôn Lữ Lai UBND Phường 2A
Ngày 21 Tháng 9 Năm 1981
UBND PHƯỜNG 2A Q. BÌNH TRẠM



Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Không	
Dấu vân tay hoặc di hình		Số trên 0, hạn chế, không được nêu nộp phạt.	
Dấu vân tay hoặc di hình		 Thủ trưởng Cơ quan Cảnh sát Quốc gia	

Số T.M. 100

Tên họ, họ

Thành phố, tỉnh

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Số

Quyển số

Họ và tên	Nguyễn Thị Ngọc Lan		Nam, nữ	Nữ
Sinh ngày tháng, năm	11/01/1980			
Nơi sinh	Bệnh viện phụ sản TP Hồ Chí Minh			
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA	MẸ		
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh	Nguyễn Thị Lan 10-05-1950	Phạm Thị Kim Chi 1952		
Dân tộc	Hinh	Hinh		
Quốc tịch	Nhật - M - M	Nhật - M - M		
Nghề nghiệp	Làm ruộng	Công nhân viên làm		
Nơi ĐKNK thường trú	Tên chủ nhà Cái Lớn	Tên chủ nhà TP Hồ Chí Minh		
Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú, số giấy chứng chức của	Thường trú tại xã			

NHÂN THỰC SÀO Y BẢN CHÍNH

Đã - 10 - 108

Ngày tháng năm

TM/UBND 23 ký lên đóng dấu



Bùi Thị Nguyệt

ĐÃ DONG LÊ PHÍ



TRANSLATION

ABSTRACT OF BIRTH RECORD

Name: NGUYEN THI HOANG YEN Sex: Female
Date of birth: January 1, 1980
Place of Birth: Ho Chi Minh, Viet Nam
Father's name: NGUYEN TRI LAN
Mother's name: PHAN THI KIM CHI
Date recorded: March 29, 1982
Date document issued: March 29, 1982

This office has abstracted the above information from the original or certified copy submitted to us for translation.

Translated by:

what is do

DO. MINH NHAT
Refugee Program Specialist

Certified by:

Tran Thi Kim Dung

TRAN THI KIM DUNG 9/15/1982
Acting Director
Information & Referral Unit
(Certifying Officer)

OFFICE OF REFUGEE RESETTLEMENT
WASHINGTON, D.C. 20201

Số 74/100

Hà Nội, Hà Nội

Ngày 10/10/1950

Tên họ: Nguyễn Văn

Thành phố, Tỉnh: Hà Nội

BẢN SAO

GIẤY KHAI SINH

Số: 10

Quyển số: 01

Họ và tên	Nguyễn Văn Công Anh		Nam, nữ	Nữ
Sinh ngày tháng, năm	11/08/1950			
Nơi sinh	Xã Xuân Phú, T.P. Hồ Chí Minh			
KHAI VỀ CHA MẸ	CHA		MẸ	
Họ, tên, tuổi hoặc ngày, tháng, năm sinh	Nguyễn Văn Công Anh 05/05/1950		Phạm Thị Hương 1952	
Dân tộc	Kinh		Kinh	
Quốc tịch	Việt Nam		Việt Nam	
Nghề nghiệp	Công nhân		Công nhân	
Nơi ĐKNK thường trú	Xã Xuân Phú, T.P. Hồ Chí Minh		Xã Xuân Phú, T.P. Hồ Chí Minh	
Họ, tên, tuổi nơi ĐKNK thường trú, giấy chứng	Nguyễn Văn Công Anh 05/05/1950		Phạm Thị Hương 1952	

NGHÂN THỦ TỐT DAN CHÍNH

Ngày 10 tháng 10 năm 1950

Đã đồng ý ghi rõ chức vụ

Ngày 10 tháng 10 năm 1950

TM/UBND ký tên đóng dấu



Phạm Thị Hương

ĐÃ ĐỒNG Ý PHÍ



Office of Refugee Resettlement
Washington, D.C. 20201

TRANSLATION

ABSTRACT OF BIRTH RECORD

Name: NGUYEN THI HOANG ANH Sex: Female
Date of birth: January 11, 1980
Place of Birth: Ho Chi Minh, Viet Nam
Father's name: NGUYEN TRI LAN
Mother's name: PHAN THI KIM CHI
Date recorded: March 29, 1982
Date document issued: March 29, 1982

This office has abstracted the above information from the original or certified copy submitted to us for translation.

Translated by:

nhad m do

DO. MINH NHAT
Refugee Program Specialist

Certified by:

Tran Thi Kim Dung

TRAN THI KIM DUNG 9/15/1982
Acting Director
Information & Referral Unit
(Certifying Officer)

OFFICE OF REFUGEE RESETTLEMENT
WASHINGTON, D.C. 20201



Embassy of the United States of America

Bangkok, Thailand

Reference File No. IV 45423

Dear Sir/Madam:

- ☐ We have received the documents you/your relative recently sent us.
- ☐ We have not received any of the documents we requested in our earlier letter.
- ☐ We have received your letter of _____ and have reviewed your relative's files.

☒ We have recently reviewed the above mentioned files.

Nguyen Tri Lan and Nguyen Thi Kim Quy
~~is~~/are not included in the Letter of Introduction (LOI) because:

- (a) ~~He/she/they~~ ^{they} ~~is~~/are married and at present ineligible for the ODP. We have opened ~~a~~ separate file(s) (IV 234922-3) for ~~him/her~~ them. Once the parents arrive in the U.S. and are eligible to do so, they may file ~~a~~ petition(s) (INS Form I-130) for such dependent(s) listing the case number IV 234922 and 234923
- (b) He/she/they is/are over 18/21 years old and have to wait until their petition(s) (INS Form I-130) become current.

Please inform us of any changes of address on the part of you or your relatives. When writing us always refer to the IV number(s) above.

Sincerely,

PJ.

Orderly Departure Program
American Embassy - Box 58
APO San Francisco 96346

HENRY T. GALLAGHER
LE CHI GALLAGHER
WASHINGTON, D.C.

10/8 19 89

PAY TO THE ORDER OF Families of Vietnamese Political Prisoners \$ 50.00

Fifty DOLLARS

AMERICAN SECURITY BANK, N.A.
Dupont Circle
3 Dupont Circle, N.W.
Washington, D.C. 20036

MEMO Lechi Gallagher

- 1) Đỗ Thúc Nhàn
- 2) Lê Quang Vinh
- 3) Lê Quang Tấn
- 4) Tôn Thất Hiệp
- 5) Nguyễn Tri Lân